

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**



NGUYỄN THANH SƠN

**HOÀN THIÊN HỆ THỐNG KẾ TOÁN TÀI
CHÍNH PHỤC VỤ QUY TRÌNH QUẢN LÝ
THUẾ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP
VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Kế toán, Tài vụ và Phân tích hoạt động kinh tế

Mã số: 5.02.11

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2007

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại Học Kinh Tế
Thành Phố Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS. TS Nguyễn Việt
2. TS. Nguyễn Văn Lương

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Minh Phương - Trường Đại Học
Kinh Tế Quốc Dân

Phản biện 2: PGS.TS Phan Thị Cúc - Trường Đại Học Công
Nghiệp TP. Hồ Chí Minh

Phản biện 3: PGS.TS Đặng Quốc Tuyển – Tổng Cục Thuế

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án Nhà nước
hợp tại: Trường Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh

Vào lúc : giờ ngày tháng năm 2007

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Tổng hợp Thành Phố Hồ
Chí Minh hoặc thư viện Trường Đại Học Kinh Tế Thành Phố
Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ.

- 1. Nguyễn Thanh Sơn - Một số ý kiến về việc hoàn thiện chứng từ hóa đơn**, đăng trên tạp chí Phát triển kinh tế số 113, tháng 3/2000 trang 27, 28.
- 2. Nguyễn Thanh Sơn - System of Account Book for Tax Management in Việt Nam**, Economic development number 88, December 2001, page 24, 25.
- 3. Nguyễn Thanh Sơn - Một số ý kiến hoàn thiện chứng từ hóa đơn phục vụ quy trình quản lý thuế doanh nghiệp**, đăng trên tạp chí Phát triển kinh tế số:185, tháng 3/2006, trang 48,49.
- 4. Nguyễn Thanh Sơn - Business Performance Report Adjusted to the Texasion Purpose for Local Companies**; Economic development number 142, June 2006; page 20, 21.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Từ khi hai luật thuế giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp ra đời, hệ thống thuế Việt Nam luôn được sửa đổi bổ sung, phát triển và hoàn thiện, song song với việc thay đổi các luật thuế, hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã nhiều lần sửa đổi để phù hợp với mục tiêu và yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn nhất định và đã có những cải biến khá sâu sắc không những đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn là nguồn cung cấp thông tin quan trọng cho cơ quan chức năng, mà trước hết là cơ quan thuế. Để nâng cao vai trò, tác dụng của kế toán đến với công tác quản lý và hành thu thuế, qua đó tác động đến việc hoàn thiện các luật thuế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, nên tác giả chọn đề tài **“Hoàn thiện hệ thống kế toán tài chính phục vụ quy trình quản lý thuế trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay”** để thực hiện luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu:

Phân tích các mối quan hệ giữa hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp với các văn bản quy phạm pháp luật thuế; sự tác động, quy định và ràng buộc của hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp đối với công tác quản lý hành thu thuế; đồng thời phân tích thực trạng thuế nước ta hiện nay cần được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với các nước trong khu vực và trên thế giới; từ đó đề ra giải pháp cụ thể về việc hoàn thiện hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp nhằm phục vụ quy trình quản lý thuế trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu của luận án là toàn bộ hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp, một số luật thuế hiện hành như luật thuế giá trị gia tăng và luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Phạm vi nghiên cứu của luận án là việc vận dụng hệ thống kế toán tài chính trong các doanh nghiệp và sự tác động của hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp đến công tác quản lý, thanh tra kiểm tra thuế Việt Nam hiện nay.

4. Phương pháp luận nghiên cứu.

Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu và do yêu cầu đặc điểm của đề tài, chủ yếu dùng các phương pháp như mô tả, diễn giải, quy nạp vấn đề, phân tích thống kê, so sánh nhận định xu hướng, khái quát hóa bằng kết luận và kết hợp việc tiếp cận số liệu thực tế để tổng hợp ... đề xuất các biện pháp hoàn thiện trong thời điểm hiện nay và các quan điểm phát triển trong tương lai.

5. Những đóng góp của đề tài

Luận án có những đóng góp mới:

- Đề ra được giải pháp hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán, cụ thể liên quan đến ngành giao thông vận tải và xây dựng, lắp đặt.
- Thực hiện việc sửa đổi bổ sung hệ thống tài khoản kế toán để phản ánh đúng bản chất và sự vận động của các đối tượng kế toán.
- Hoàn thiện các mẫu sổ kế toán trong hình thức nhật ký chung.
- Đề xuất mẫu “bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh” và “bảng kết quả kinh doanh điều chỉnh” theo mục tiêu tài chính và mục tiêu tính thuế.
- Đề xuất một số ý kiến để góp phần hoàn thiện quy trình kiểm soát thuế và hành thu thuế của cơ quan thuế trên cơ sở hoàn thiện xác minh hóa đơn của Bộ Tài Chính và hoàn thiện công tác thanh, kiểm tra thuế.

6. Kết cấu luận án.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận án được trình bày 179 trang, 18 sơ đồ và biểu mẫu, 9 phụ lục, và luận án có kết cấu như sau:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về hệ thống kế toán tài chính và quy trình quản lý thuế trong các doanh nghiệp
- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tài chính trong việc phục vụ quy trình quản lý thuế các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.
- Chương 3: Hoàn thiện hệ thống kế toán tài chính phục vụ quy trình quản lý thuế trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀ QUY TRÌNH QUẢN LÝ THUẾ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT VỀ TỔ CHỨC HỆ THỐNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

1.1.1. Một số vấn đề chung về công tác kế toán

1.1.1.1. Bản chất của kế toán

a. Định nghĩa về kế toán:

Kế toán đã ra đời và phát triển với lịch sử khá lâu dài nhưng chỉ thật sự trở thành khoa học trong thời gian không xa cùng với sự phát triển của nền sản xuất xã hội và yêu cầu quản lý nền sản xuất đó. Hiện tại kế toán có mặt ở hầu hết các tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh, quản lý nhà nước và xã hội, các tổ chức phi lợi nhuận ...

Xét trên khía cạnh nghề nghiệp thì kế toán được xác định là công việc tính toán, ghi chép bằng con số nhằm cung cấp thông tin và kiểm tra tình hình tài sản cũng như tình hình và kết quả hoạt động của một tổ chức thông qua 03 (ba) thước đo: tiền, hiện vật và thời gian lao động.

Xét trên khía cạnh nghiên cứu thì kế toán được xác định là khoa học về thông tin và kiểm tra tình hình tài sản cũng như tình hình và kết quả hoạt động của một tổ chức thông qua một hệ thống các phương pháp được dùng để thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin.

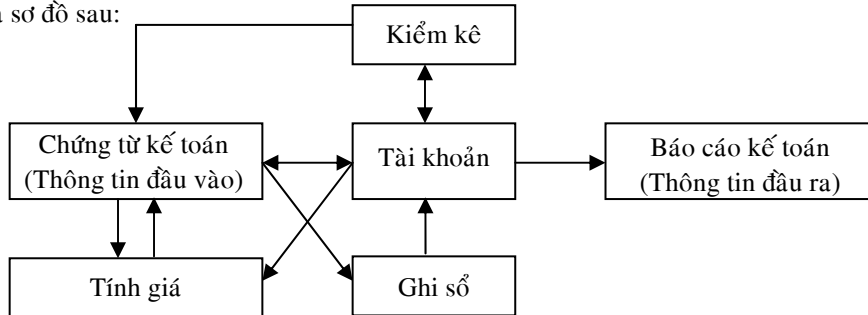
b. Chức năng của kế toán

- Cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra các quyết định kinh tế, xã hội và diễn đạt được khả năng, trách nhiệm, cương vị quản lý. Đồng thời cung cấp các thông tin hữu ích cho việc đánh giá hiệu quả kinh doanh và lãnh đạo của một tổ chức hoạt động nhất định.

- Thực hiện việc giám sát, kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính để đảm bảo tuân thủ pháp luật của nhà nước, nội quy, quy chế hoạt động của doanh nghiệp và thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

c. Phân loại kế toán: Căn cứ vào tính chất của thông tin và đối tượng cung cấp thông tin, kế toán được phân thành kế toán tài chính và kế toán quản trị.

d. Các phương pháp kế toán: Để thu thập, phân loại, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin thì kế toán phải sử dụng một hệ thống các phương pháp bao gồm: chứng từ kế toán, tài khoản, ghi sổ kép, tính giá các đối tượng kế toán và báo cáo kế toán. Có thể mô tả mối quan hệ giữa các phương pháp kế toán được biểu hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1-1: Mô tả mối quan hệ giữa các phương pháp kế toán

1.1.1.2. Hệ thống kế toán doanh nghiệp: Hệ thống kế toán doanh nghiệp thường được hiểu là hệ thống mà nhờ vào đó hàng loạt các nghiệp vụ của một đơn vị được xử lý và cung cấp kết quả. Hay nói cách khác, hệ thống kế toán bao gồm các công

việc kế toán kế tiếp nhau trong quy trình kế toán, từ việc lập chứng từ kế toán, xử lý dữ liệu, cho đến việc lập báo cáo tài chính.

1.1.1.3. Mục tiêu kế toán và các nguyên tắc được thừa nhận

a. Mục tiêu kế toán: kế toán có hai mục tiêu chủ yếu:

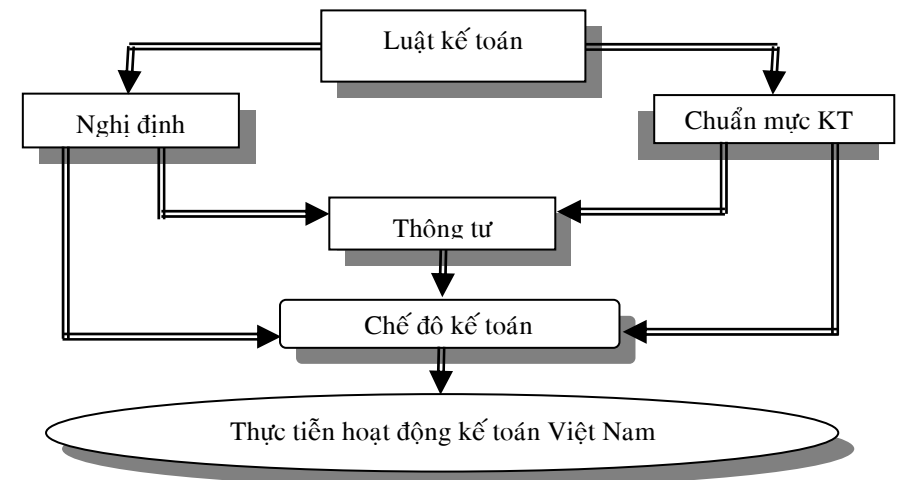
☞ Một là phân loại, tổng hợp, thiết kế và truyền đạt thông tin về tài chính của một tổ chức.

☞ Hai là cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra quyết định của một tổ chức, diễn đạt trách nhiệm cũng như cương vị quản lý của từng cấp.

b. Các nguyên tắc kế toán cơ bản

- Cơ sở dồn tích
- Hoạt động liên tục
- Giá gốc
- Phù hợp
- Nhất quán
- Thận trọng
- Trọng yếu

1.1.2. Hệ thống pháp lý kế toán Việt Nam: Có thể khái quát hệ thống pháp lý kế toán Việt Nam hiện hành qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1-3: Hệ thống pháp lý kế toán Việt Nam

1.1.3. Chuẩn mực kế toán Việt Nam

Các chuẩn mực kế toán đưa ra các nguyên tắc cơ bản trong việc xử lý các nghiệp vụ kế toán, nhằm giúp cho báo cáo tài chính của đơn vị phản ánh trung thực

và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động của đơn vị. Tuy nhiên, việc vận dụng cụ thể các chuẩn mực trong thực tế cần tham khảo thông tư hướng dẫn, đặc biệt là việc xử lý trên hệ thống tài khoản kế toán.

1.1.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp

① Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán
 ② Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán
 ③ Tổ chức hệ thống sổ kế toán
 ④ Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính là thông tin tổng hợp về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như việc phản ánh sự biến động các luồng tiền hiện có của doanh nghiệp. Hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp gồm có:

- ☞ Bảng cân đối kế toán;
- ☞ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ☞ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- ☞ Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

1.2. BẢN CHẤT CỦA THUẾ VÀ QUY TRÌNH QUẢN LÝ THUẾ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.2.1. Bản chất và phân loại thuế

① Bản chất của thuế

Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc của các tổ chức, cá nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định, không mang tính chất hoàn trả trực tiếp, nhằm sử dụng cho mục đích chung toàn xã hội.

② Đặc điểm của thuế

- ☞ Thuế luôn gắn liền với quyền lực Nhà nước
- ☞ Thuế là một phần thu nhập của các tầng lớp dân cư bắt buộc phải nộp cho Nhà nước
- ☞ Thuế là hình thức chuyển giao thu nhập không hoàn trả trực tiếp. Còn phí, lệ phí mang tính chất hoàn trả trực tiếp cho người thụ hưởng dịch vụ này

③ Phân loại thuế

- ☞ Khái niệm về phân loại thuế: Phân loại thuế là sự sắp xếp các sắc thuế trong một hệ thống chính sách thuế thành những nhóm khác nhau theo các tiêu thức nhất định.

- ☞ Các tiêu thức phân loại thuế:

- ☞ Dựa theo phương thức đánh thuế

- Thuế trực thu

- Thuế gián thu

- ☞ Dựa vào cơ sở tính thuế

- Thuế thu nhập

- Thuế tài sản

- Thuế tiêu dùng

- ☞ Dựa vào phạm vi điều chỉnh của thuế

- Thuế tổng hợp

- Thuế có lựa chọn

- ☞ Ngoài ra đôi khi người ta còn tiến hành phân loại thuế theo tính chất thuế suất mà sắc thuế đó áp dụng như thuế tỷ lệ, thuế lũy tiến, thuế lũy thoái, thuế tuyệt đối ...

1.2.2. Quy trình quản lý đối với các doanh nghiệp

Nội dung của quy trình gồm có:

- Đăng ký thuế

- Xét hoàn thuế

- Xử lý tờ khai và chứng từ nộp thuế

- Quyết toán thuế

- Quản lý thu nợ thuế

- Miễn giảm thuế

① Quản lý đối tượng nộp thuế

② Quản lý số thuế phải nộp

A. Quản lý số thuế GTGT phải nộp

a. Kiểm tra tờ khai nộp thuế GTGT

b. Kiểm tra quyết toán thuế GTGT

- ☞ Kiểm tra quyết toán thuế tại cơ quan thuế (bước 1)

- ☞ Kiểm tra quyết toán thuế GTGT tại cơ sở kinh doanh (bước 2)

B. Quản lý thuế TNDN phải nộp

a. Kiểm tra tờ khai thuế TNDN

b. Kiểm tra quyết toán thuế TNDN

- ☞ Kiểm tra quyết toán thuế TNDN tại cơ quan thuế (bước 1)

- ☞ Kiểm tra quyết toán thuế TNDN tại cơ sở (bước 2)

③ Quy trình xử lý chống đọng thuế

a. Theo dõi doanh nghiệp nộp thuế

b. Đơn đốc nợ đọng: quản lý thu thuế là công việc rất phức tạp, quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh càng phức tạp hơn. Vì trốn lậu được thuế sẽ làm tăng thu nhập trực tiếp cho cá nhân hoặc một nhóm cá nhân là chủ doanh nghiệp. Vì vậy để quản lý thu thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có hiệu quả, đòi hỏi cán bộ quản lý thuế phải nắm chắc nghiệp vụ, am hiểu chính sách thuế, am hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.3. Thông tin kế toán là cơ sở quan trọng để thực hiện quy trình quản lý thuế của doanh nghiệp

Việc quản lý và hành thu thuế được thực hiện trên cơ sở các quy định của luật thuế hiện hành. Tuy nhiên để có căn cứ xác định mức thu thực tế phải tiến hành thu tại doanh nghiệp thì người làm công tác thuế phải dựa vào thông tin do kế toán tại doanh nghiệp cung cấp trên cơ sở phải kiểm tra, kiểm soát tính xác thực của những thông tin này theo thực tế hoạt động của doanh nghiệp.

Qua tìm hiểu công tác quản lý và hành thu thuế ở các nước khu vực và một số nước có nền kinh tế phát triển thì thông tin kế toán cũng như việc am hiểu tình hình kế toán tài chính ở doanh nghiệp luôn luôn được xác định như một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định cho việc tính thuế và quản lý thuế một cách đúng đắn, có hiệu quả đối với cơ quan thuế của nhà nước.

1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA HỆ THỐNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VỚI QUY TRÌNH QUẢN LÝ THUẾ HIỆN HÀNH

1.3.1. Mối quan hệ giữa hệ thống kế toán tài chính với quy trình quản lý thuế doanh nghiệp

① Về chứng từ kế toán: thông qua phương pháp chứng từ kế toán không những giúp cho doanh nghiệp thực hiện việc định khoản kế toán và ghi sổ kế toán theo luật kế toán và các luật thuế mà còn giúp cho cơ quan thuế quản lý, kiểm tra, xác minh chứng từ hóa đơn, tiến hành quyết toán thuế và hoàn thuế được chính xác, kịp thời theo luật định

② Về tài khoản và sổ kế toán: để phản ánh từng loại thuế theo quy định của luật thuế cũng như phục vụ cho yêu cầu kiểm soát thuế theo quá trình phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp thì các tài khoản cũng được quy định một cách thích ứng. Thích ứng với các tài khoản kế toán được quy định sử dụng kế toán sẽ mở các sổ tài khoản tổng hợp và chi tiết để ghi chép theo thứ tự thời gian và theo hệ thống quá trình phát sinh của các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến các loại thuế khác nhau.

③ Phương pháp ghi sổ kép: chính bằng phương pháp tài khoản và ghi sổ kép, kế toán tài chính sẽ cung cấp cho cán bộ thuế, cũng như bản thân doanh nghiệp có những căn cứ để xác định các yếu tố cần thiết nằm trong căn cứ tính thuế của một số loại thuế quan trọng như thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế GTGT, thuế TTĐB; thuế xuất khẩu, nhập khẩu; thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ...

④ Phương pháp tính giá: phương pháp tính giá ảnh hưởng trực tiếp đến các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh và do vậy ảnh hưởng đến chi phí

sản xuất kinh doanh cần được xác định để tính thu nhập chịu thuế một cách phù hợp.

⑤ Báo cáo tài chính và báo cáo thuế

a. Báo cáo tài chính: thông qua báo cáo tài chính giúp cho cơ quan thuế căn cứ để xem xét, đánh giá, xác định được các thay đổi cơ bản trong việc thực hiện các mục tiêu tài chính trong kỳ hoạt động của doanh nghiệp và qua đó tìm hiểu, xác định các lý do liên quan đến các thay đổi đó.

b. Báo cáo thuế: thông qua hệ thống thông tin kế toán tài chính, kế toán doanh nghiệp lập báo cáo tài chính đồng thời kê khai thuế, lập báo cáo thuế và nộp tờ khai theo luật định.

1.3.2. Sự khác biệt giữa doanh thu, chi phí và lợi nhuận kế toán với thuế

Sự khác biệt giữa doanh thu, chi phí và lợi nhuận của kế toán và của thuế là vấn đề hiển nhiên do xuất phát từ những lợi ích khác biệt. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là những quy định của luật thuế cần phải hợp lý, minh bạch, rõ ràng để doanh nghiệp dễ dàng thực hiện và chấp nhận trong khuôn khổ pháp lý và môi trường kinh doanh. Chính sự minh bạch và rõ ràng của luật thuế sẽ giúp cho cơ quan thuế dễ dàng kiểm soát và hành thu thuế, hạn chế tiêu cực, ngăn ngừa và phát hiện dễ dàng những sai phạm, gian dối về thuế của doanh nghiệp.

Sự khác biệt không phải chỉ có ở Việt Nam mà hầu như đều có ở các quốc gia, kể cả những nước có nền kinh tế phát triển cao như Mỹ, Pháp, Canada, ...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Để đảm bảo được vai trò của hệ thống kế toán tài chính là công cụ quan trọng điều tiết hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời thực hiện tốt mục tiêu của thuế thì chế độ kế toán hiện hành cần thiết phải phân định với các luật thuế được ban hành và áp dụng cho các doanh nghiệp phải được thực thi dựa trên những căn cứ pháp lý và thực tế được cung cấp từ thông tin của kế toán. Tuy nhiên, một số trường hợp có những thông tin từ kế toán không đáp ứng cho các mục tiêu của luật thuế hiện hành, đòi hỏi doanh nghiệp vừa thực hiện theo luật kế toán Việt Nam, vừa thực hiện theo các quy định của các luật thuế và có điều chỉnh theo luật thuế. Do vậy, hệ thống kế toán tài chính Việt Nam và hệ thống thuế cần thiết hoàn thiện theo hướng tách biệt giữa hai mục tiêu: mục tiêu của tài chính và mục tiêu luật thuế đề ra.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH TRONG VIỆC PHỤC VỤ QUY TRÌNH QUẢN LÝ THUẾ CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH PHỤC VỤ CHO QUY TRÌNH QUẢN LÝ THUẾ TRONG THỜI GIAN QUA

- Thời kỳ từ năm 1995 trở về trước
- Thời kỳ từ năm 1996 đến nay

2.2. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH HIỆN HÀNH TRONG VIỆC PHỤC VỤ QUY TRÌNH QUẢN LÝ THUẾ

2.2.1. Thực trạng tổ chức thực hiện chứng từ kế toán trong việc phục vụ quy trình quản lý thuế doanh nghiệp

a. Ưu điểm:

- ① Thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc lập báo cáo thuế
- ② Trên cơ sở chứng từ hóa đơn, sổ sách kế toán, báo cáo về hoạt động kinh tế tài chính có một cách quản lý chung theo tình hình kinh tế tài chính của từng doanh nghiệp và phân loại doanh nghiệp theo yêu cầu quản lý của ngành thuế.

b. Nhược điểm:

① Chứng từ ban đầu là cơ sở pháp lý rất quan trọng, tuy nhiên hiện nay có một số ngành sản xuất kinh doanh và dịch vụ, việc ghi nhận doanh thu phát sinh không theo theo thời gian hoàn thành và chi phí phát sinh không phù hợp với doanh thu thực hiện; trên cơ sở đó chưa xác định được thời điểm ghi chép doanh thu vào sổ kế toán bảo đảm chính xác, có thể quy định bổ sung chứng từ hóa đơn ở hai ngành sản xuất kinh doanh và dịch vụ quan trọng này như: Ngành giao thông vận tải và ngành xây dựng, lắp đặt.

② Một nhược điểm khác cần nhấn mạnh ở đây là việc quy định quá cứng nhắc đối với một số loại chứng từ, phản ánh mối quan hệ kinh tế trong nội bộ doanh nghiệp. Chính việc quy định quá cứng nhắc đã gây khó khăn cho doanh nghiệp khi phản ánh tình hình thực tế và cũng là cái cớ để doanh nghiệp tự ý thay đổi mẫu chứng từ cho phù hợp.

2.2.2. Thực trạng tổ chức hệ thống tài khoản kế toán trong việc phục vụ quy trình quản lý thuế doanh nghiệp

a. Ưu điểm:

Nhìn một cách tổng thể thì hệ thống tài khoản kế toán hiện hành đã được xây dựng khá chặt chẽ và khoa học, tương đối phù hợp với hoạt động của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế, có sự tương thích với chuẩn mực quốc tế về kế

toán. Những ưu điểm trên đã giúp cho thông tin được xử lý trên tài khoản, phát huy được tác dụng cho việc kiểm soát và hỗ trợ cho việc hành thu thuế của cơ quan thuế.

b. Nhược điểm:

① Hệ thống tài khoản hiện hành là một hệ thống hỗn hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị nên trong quá trình thực hiện chưa có sự phân biệt rõ đâu là kế toán tài chính đâu là kế toán quản trị. Chính điều này đã gây ra cản trở cho việc thực hiện tốt kế toán tài chính lại vừa khó có điều kiện ứng dụng và phát triển kế toán quản trị trong các doanh nghiệp Việt Nam.

② Việc thực hiện kế toán chi phí theo quy định trong hệ thống tài khoản kế toán hiện hành là không phù hợp với mục tiêu của kế toán tài chính cũng như mục tiêu tính thuế.

③ Việc sử dụng một số để phản ánh đối tượng kế toán như hiện nay là không phù hợp.

④ Bên cạnh đó việc ghi nhận trên tài khoản còn một số điểm chưa phù hợp với một số hoạt động đặc thù và quá trình quyết toán của cơ quan thuế.

2.2.3. Thực trạng tổ chức hệ thống sổ kế toán trong việc phục vụ quy trình quản lý thuế doanh nghiệp

Việc áp dụng hình thức kế toán ở các doanh nghiệp nói chung đang bộc lộ ra một số khiếm khuyết gây không ít khó khăn trong quá trình kiểm soát việc ghi nhận thông tin đã làm ảnh hưởng không ít đến việc kiểm tra và hành thu thuế của cơ quan thuế.

① Trong cùng một môi trường hoạt động và cung cấp thông tin nhưng có quá nhiều hình thức được áp dụng, trong khi đó chưa có định hướng rõ ràng nên chú trọng hình thức kế toán nào.

② Do không có hình thức kế toán nào được xác định là tối ưu nên các doanh nghiệp thường hay kết hợp nhiều loại sổ của nhiều hình thức kế toán để thực hiện việc ghi chép. Điều này vừa trái với quy định vừa gây khó khăn cho việc kiểm soát.

③ Hình thức kế toán không thống nhất nên các phần mềm ứng dụng được xây dựng khá đa dạng, tùy theo đặc điểm và yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp. Chính điều này gây ra những tổn kém cho doanh nghiệp, cho xã hội lại vừa gây khó khăn, thậm chí cản trở việc kiểm soát quy trình và nội dung ghi chép của cơ quan thuế.

2.2.4. Thực trạng tổ chức hệ thống báo cáo tài chính trong việc phục vụ quy trình quản lý thuế doanh nghiệp

a. Ưu điểm của tổ chức báo cáo tài chính:

- Hệ thống báo cáo tài chính đáp ứng yêu cầu thuận lợi, dễ dàng, dễ hiểu, dễ kiểm tra phù hợp với nền kinh tế thị trường và từng bước phù hợp với các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Thông qua các thông tin trên báo cáo tài chính giúp cho cơ quan thuế phân tích thực trạng về tài chính của doanh nghiệp và tình trạng thuế của doanh nghiệp, trên cơ sở tạo điều kiện xác lập được cơ sở kinh doanh nào thuộc loại cần phải thanh tra kiểm tra thường xuyên và cơ sở kinh doanh cần phải thanh tra theo định kỳ dài hạn.

b. Nhược điểm của tổ chức báo cáo tài chính:

- Việc đo lường lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp chưa được phân tích rõ giữa lợi nhuận theo mục tiêu tài chính và lợi nhuận theo mục tiêu tính thuế. Chưa trình bày được sự khác biệt giữa các loại doanh thu, chi phí theo mục tiêu tài chính và mục tiêu của thuế.

- Chưa có các thông tin về các khoản doanh thu, chi phí bị loại trừ theo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, và các khoản này sẽ được xử lý như thế nào.

2.2.5. Khảo sát tình hình thực tế một số doanh nghiệp ở Thành Phố Hồ Chí Minh

- *Đối với chứng từ kế toán:* hầu hết các doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của nhà nước trong việc sử dụng mẫu chứng từ, lập chứng từ để làm căn cứ pháp lý cho việc ghi chép. Hiện tượng này cho thấy việc quản lý sử dụng chứng từ còn lỏng lẻo, mẫu chứng từ quy định còn quá cứng nhắc chưa đáp ứng được việc ghi nhận thông tin ban đầu theo đặc điểm của doanh nghiệp

- *Đối với tài khoản kế toán:* nhìn chung các doanh nghiệp đều rất lúng túng trong việc xử lý các nghiệp vụ liên quan đến việc hoàn thuế, quyết toán thuế theo quy định của luật thuế và đặc biệt là chưa thể xử lý các khoản chi vượt định mức hoặc vượt quá chi phí hợp lý theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- *Đối với sổ kế toán:* tại các doanh nghiệp được khảo sát có hiện tượng phổ biến sử dụng cùng lúc nhiều loại sổ thuộc các hình thức kế toán khác nhau. Đây là một vấn đề trái với quy định nhưng lại đáp ứng yêu cầu ghi nhận và xử lý thông tin của doanh nghiệp.

- *Đối với báo cáo tài chính:* Báo cáo tài chính được lập ở các doanh nghiệp theo điều tra thì chủ yếu là để phục vụ cho mục tiêu tài chính chứ hoàn toàn chưa

có được mối quan hệ với báo cáo thuế về kết cấu, nội dung, trình tự và phương pháp lập. Do vậy, các doanh nghiệp nhìn nhận việc lập báo cáo tài chính theo quy định hiện nay có một khoảng cách khá lớn với báo cáo thuế do quy định của luật thuế có những khác biệt đối với quy định trong kế toán.

2.3. THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ THUẾ VÀ MỘT SỐ KHÓ KHĂN KHI THỰC HIỆN CÁC LUẬT THUẾ HIỆN HÀNH

2.3.1. Quá trình quản lý thuế qua các thời kỳ

① Quá trình phát triển hệ thống thuế Việt Nam giai đoạn năm 1998 trở về trước

② Quá trình quản lý thuế từ năm 1999 đến nay

2.3.2. Thực trạng công tác quản lý thuế hiện nay

① Những kết quả đạt được: Trong bối cảnh kinh tế – xã hội trong nước, quốc tế có nhiều yếu tố vừa thuận lợi vừa có khó khăn, nhưng công cuộc cải cách hệ thống thuế nói chung và công tác quản lý thuế nói riêng đã góp phần ổn định và phát triển kinh tế – xã hội, thu ngân sách ngày càng tăng lên; phù hợp với chuyển đổi nền kinh tế theo cơ chế thị trường và thực hiện tốt lộ trình hội nhập quốc tế.

② Những tồn tại trong công tác quản lý thuế:

a. Tình trạng trốn thuế, lậu thuế, nợ đọng thuế còn khá phổ biến ở nhiều khoản thu và diễn ra nhiều địa phương trong cả nước.

b. Năng lực, trình độ, trách nhiệm quản lý của cơ quan thuế chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý trong giai đoạn hiện nay.

c. Công tác tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn chính sách thuế chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao sự hiểu biết, tính tự giác trong việc chấp hành chính sách thuế của nhà nước.

d. Một số thể chế kinh tế và xã hội, môi trường pháp lý liên quan đến quản lý chưa được cải cách đồng bộ

e. Cơ quan thuế không có chức năng cưỡng chế thuế; điều tra khởi tố các vi phạm về thuế của cơ quan chức năng còn chậm, chất lượng xét xử còn nhiều hạn chế.

2.3.3. Một số khó khăn khi thực hiện luật thuế

Việc vận dụng công tác kế toán tài chính doanh nghiệp phục vụ quy trình quản lý thuế nước ta còn nhiều hạn chế bởi một số luật thuế còn những khiếm

khuyết chưa khắc phục kịp thời làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, hành thu thuế và thanh tra kiểm tra thuế:

- Chính sách thuế chậm sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu tình hình;
- Thủ tục rườm rà;
- Xử phạt không nghiêm.

2.4. MINH HỌA VỀ NHỮNG HẠN CHẾ CỦA HỆ THỐNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH TRONG MỘT SỐ NGÀNH LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

2.4.1. Một số tồn tại của hệ thống chứng từ hóa đơn với quy trình quản lý thuế

- Đối với ngành giao thông vận tải và ngành xây lắp: Hoá đơn GTGT như hiện nay chưa nói lên được thời điểm xác định doanh thu, thực hiện doanh thu theo nguyên tắc cơ sở dồn tích và xác định chi phí theo nguyên tắc phù hợp.

- Xác định chi phí hợp lý tiền lương, tiền công đối với ngành xây lắp, dịch vụ sửa chữa nhà, sửa chữa tàu biển, sửa chữa sà lan ... : Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương chưa đủ yếu tố để quản lý tiền lương, tiền công doanh nghiệp, chưa bảo đảm thực hiện xác định chi phí theo nguyên tắc phù hợp.

2.4.2. Một số tồn tại của việc áp dụng hệ thống tài khoản kế toán trong công tác quản lý thuế

- Do tính chất khiếm khuyết trên chứng từ hóa đơn như hiện nay, do đó dẫn đến việc hạch toán ghi nhận doanh thu vào sổ kế toán cũng không bảo đảm chính xác và không kịp thời với từng kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ hoàn thành.

- Việc ghi nhận các bút toán điều chỉnh sau khi quyết toán thuế, hiện nay cơ quan chức năng chưa quy định, hướng dẫn thống nhất nên dẫn đến mỗi doanh nghiệp có cách ghi chép, chỉnh sửa khác nhau.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu để trong tương lai vẫn phát huy tốt được tác dụng của mình đối với công tác quản lý thuế, đặc biệt là trong công tác thanh tra kiểm tra doanh nghiệp. Trước mắt sớm khắc phục những khiếm khuyết và yếu kém trong hoạt động kế toán ở Việt Nam trên các mặt:

- Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán
- Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán
- Thống nhất và hoàn thiện hệ thống sổ kế toán

- Hoàn thiện báo cáo tài chính theo hướng: xác lập mối quan hệ giữa báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính với báo cáo tài chính theo mục tiêu lính thuế.

Ngoài ra, để hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp có thể phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý hành thu thuế và thanh tra kiểm tra thuế cũng cần phải hoàn thiện các luật thuế, trước hết là luật thuế GTGT và luật thuế TNDN, đồng thời cần có sự phân cấp chặt chẽ, rõ ràng giữa các cơ quan quản lý và cơ quan chức năng của nhà nước trong việc nghiên cứu, ban hành, thực thi các luật kế toán và thuế.

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH PHỤC VỤ QUY TRÌNH QUẢN LÝ THUẾ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN

3.1.1. Quan điểm hoàn thiện:

- ① Quan điểm thực tiễn
- ② Quan điểm thống nhất
- ③ Quan điểm hội nhập, phát triển

3.1.2. Nguyên tắc hoàn thiện:

- ① Nguyên tắc đồng bộ
- ② Nguyên tắc nhất quán
- ③ Nguyên tắc linh hoạt

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH ÁP DỤNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP

① Phân định hệ thống kế toán doanh nghiệp thành kế toán tài chính và kế toán quản trị

② Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán phục vụ quy trình quản lý thuế doanh nghiệp

Thứ nhất, các loại chứng từ pháp lý liên quan đến quá trình mua bán, ảnh hưởng trực tiếp đến các loại thuế quan trọng cần được cơ quan thuế quản lý chặt chẽ việc in ấn, phát hành, sử dụng và lưu trữ hóa đơn để hạn chế cũng như phát hiện ngăn chặn kịp thời trốn lậu thuế, gian lận chiếm đoạt tiền thuế của nhà nước.

Thứ hai, tăng cường quyền chủ động của doanh nghiệp trong việc vận dụng và xây dựng hệ thống chứng từ kế toán sử dụng trong công tác kế toán ở doanh nghiệp.

Thứ ba, Chế độ kế toán về hệ thống chứng từ cần có những quy định thống nhất về các chứng từ kèm theo chứng từ kế toán, với mục đích là bảo đảm khi đã có chứng từ kế toán thì chắc chắn là nghiệp vụ kinh tế đó đã thực sự phát sinh và đã hoàn thành, nếu làm được như vậy sẽ hạn chế gian lận về thuế, phục vụ cho việc tính thuế và thanh tra kiểm tra của ngành thuế.

Thứ tư, nhằm hạn chế tình trạng gian lận về thuế, trốn thuế của các doanh nghiệp, nhà nước tăng cường khuyến khích, mở rộng cho các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng hóa đơn đặc thù.

Thứ năm, nhằm hoàn thiện việc ghi chép chứng từ cho phù hợp với hạch toán kế toán doanh nghiệp, quy định của luật thuế và chế độ kế toán hiện hành phải tuân thủ theo nguyên tắc sau: Doanh thu thực hiện theo nguyên tắc cơ sở dồn tích và chi phí phát sinh theo nguyên tắc phù hợp, từ đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp ghi chép đúng thời gian quy định, đồng thời giúp cho cơ quan thuế xác định doanh thu và chi phí trong kỳ kinh doanh chính xác và đầy đủ.

Do nền kinh tế thị trường ở nước ta phát triển ngày càng lớn mạnh, đa dạng về ngành nghề, tính chất hoạt động của từng ngành nghề ngày càng mở rộng phong phú hơn, để đáp ứng cho nhu cầu hạch toán và quản lý cho các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế, cũng như phục vụ cho quy trình quản lý thuế đối với nhà nước, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị cụ thể như sau:

a. Ngoại trừ các loại hóa đơn đã được nhà nước quy định thống nhất về mẫu biểu và quản lý thống nhất việc in, phát hành, sử dụng thì các loại chứng từ khác còn lại cần được đưa vào danh mục chứng từ hướng dẫn.

b. Khuyến khích sử dụng hóa đơn đặc thù

c. Hoàn thiện chứng từ hoá đơn (GTGT) ngành giao thông vận tải và ngành xây dựng, lắp đặt

d. Hoàn thiện chứng từ lao động tiền lương

③ Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán phục vụ quy trình quản lý thuế doanh nghiệp

Thứ nhất, nên chia hệ thống tài khoản thành 2 bộ phận: một bộ phận thuộc về phần bắt buộc và một bộ phận thuộc về phần linh hoạt để phù hợp với yêu cầu và mục tiêu xử lý thông tin của doanh nghiệp.

Thứ hai, hiện tại trong hệ thống tài khoản kế toán vẫn còn một số tài khoản có tên gọi hoặc kết hợp phản ánh nhiều đối tượng chưa phù hợp, cần phải thay đổi để phù hợp với bản chất của đối tượng kế toán và nội dung kinh tế được phản ánh

cũng như cần nghiên cứu bổ sung một số tài khoản để phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán đã được ban hành.

Thứ ba, để cung cấp, phân định các thông tin hữu ích cho quá trình ghi chép và hạch toán theo hai mục tiêu: mục tiêu của tài chính và mục tiêu tính thuế, tài khoản kế toán tài chính cần thiết bổ sung thêm các tài khoản ghi nhận các khoản chi phí mà doanh nghiệp chi vượt quá mức khống chế của luật thuế quy định như “chi phí lãi vay; chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, tiếp tân, khánh tiết, chi phí giao dịch đối ngoại, chi phí hội nghị, ...”.

Trên cơ sở hướng hoàn thiện như đã nêu trên, chúng tôi kiến nghị một số thay đổi về phương pháp hạch toán một số nội dung cụ thể có liên quan đến hệ thống tài khoản kế toán như sau:

a. Hiện tại các doanh nghiệp đều hạch toán chi phí sản xuất thông qua (03) ba tài khoản: TK621, TK622 và TK627 để theo dõi các khoản mục chi phí sản xuất, phục vụ việc tính toán và phân tích giá thành sản phẩm. Phương pháp hạch toán này phục vụ cho yêu cầu quản lý chi phí thuộc về kế toán quản trị, còn trong kế toán tài chính cũng như thông tin kế toán phục vụ cho quy trình quản lý thuế thì việc theo dõi theo khoản mục là vấn đề không quan trọng, mà vấn đề quan trọng cần được kiểm soát chặt chẽ là nội dung kinh tế và mức tiêu hao của các khoản chi phí có bảo đảm tính pháp lý, hợp lý không? Có thể chấp nhận trong điều kiện cụ thể không?

- b. Bổ sung các tài khoản chi phí bị khống chế vào quy trình hạch toán chi phí
- + TK635-chi tiết “Chi phí lãi vay bị khống chế”
 - + TK641-chi tiết “Chi phí bán hàng bị khống chế”
 - + TK642-chi tiết “Chi phí quản lý bị khống chế”

c. Hoàn thiện nghiệp vụ kế toán qua xác định doanh thu đối với ngành giao thông vận tải

- Bút toán ghi nhận khoản thu khi xuất hóa đơn (trước khi vận chuyển hàng đi, doanh thu chưa thực sự phát sinh)

- Bút toán khi vận chuyển hàng hóa đã hoàn thành (kế toán lưu giữ chứng từ hóa đơn).

d. Hoàn thiện nghiệp vụ kế toán điều chỉnh sau quyết toán thuế và hoàn thuế

➤ Hoàn thiện nghiệp vụ kế toán điều chỉnh sau quyết toán thuế

- Các bút toán điều chỉnh trước và sau quyết toán thuế GTGT.

- Các bút toán điều chỉnh trước và sau quyết toán thuế TNDN

➤ Hoàn thiện nghiệp vụ kế toán điều chỉnh sau hoàn thuế

- Điều chỉnh ở phần số dư cuối kỳ.
- Điều chỉnh ở phần số phát sinh.

④ Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán phục vụ quy trình quản lý thuế doanh nghiệp

Theo chúng tôi thì nhà nước nên định hướng và tiến đến quy định thống nhất việc áp dụng hình thức kế toán Nhật Ký Chung trong nền kinh tế. Nhật Ký Chung là hình thức kế toán đơn giản, thích hợp với mọi đơn vị kế toán, đặc biệt có nhiều thuận lợi khi ứng dụng máy tính trong xử lý thông tin kế toán trên sổ.

Theo chúng tôi ngay từ bây giờ nhà nước cần có định hướng và trong vài năm đến nên quy định thống nhất tất cả các loại hình doanh nghiệp khác nhau trong nền kinh tế chỉ sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Tuy nhiên cần phải chỉnh sửa sổ Nhật Ký Bán Hàng và sổ Chi Tiết Bán Hàng cho phù hợp với yêu cầu quản lý doanh nghiệp.

⑤ Hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính phục vụ quy trình quản lý thuế doanh nghiệp

Thứ nhất, đối với bảng cân đối kế toán:

a. Nên cho phép các doanh nghiệp thiết kế mẫu bảng cân đối kế toán theo kiểu hai bên để giúp cho người nhận thông tin dễ xem xét, nghiên cứu mối quan hệ giữa tài sản và nguồn vốn được trình bày trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.

b. Nên thiết kế trong bảng cân đối kế toán cột chênh lệch giữa số đầu năm và số cuối kỳ để phục vụ tốt hơn cho các đối tượng sử dụng khi cần phân tích đánh giá thực trạng tài chính của doanh nghiệp.

c. Đưa chỉ tiêu “sự nghiệp” vào bên nguồn vốn, phía dưới chỉ tiêu “nguồn kinh phí” và ghi đỏ để thể hiện đúng đắn tình trạng tài sản của doanh nghiệp.

Thứ hai, đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Để giúp cho người nhận thông tin có cơ sở để xem xét, đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp một cách rõ ràng, đầy đủ thì báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cần được thiết kế theo hướng số liệu được chia thành 02 phần: phần số liệu thuộc mục tiêu tài chính và phần số liệu thuộc mục tiêu quyết toán thuế.

Biểu mẫu 3 - 7: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bộ, Tổng công ty: ...

Mẫu số: B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý ... năm 200...

Đơn vị: ...

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước | Quyết toán thuế |
|---|-------|-------------|---------|-----------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 24 | | | |
| 2. Các khoản giảm trừ | 03 | 24 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03) | 10 | 24 | | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | | | |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | | | |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | | | |
| 5. Chi phí tài chính | 22 | 26 | | | |
| - Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | | | |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | | | |
| 10. Lợi nhuận thuần từ HĐ.K.D. 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) | 30 | | | | |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | | | |
| 12. Chi phí khác | 32 | | | | |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | | | |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | | | |
| 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 51 | 28 | | | |
| 16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | 60 | 28 | | | |

Căn cứ mẫu biểu báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được trình bày (theo biểu mẫu số 3-7) sẽ tạo ra sự khác biệt giữa lợi nhuận kinh doanh theo mục tiêu tài chính với lợi nhuận chịu thuế cần được nhìn nhận một cách chính thức và thể hiện trên sổ sách kế toán cũng như các báo cáo tài chính. Doanh nghiệp nên

lập (biểu mẫu tạm gọi là) “bảng kết quả hoạt động kinh doanh điều chỉnh - mẫu B02A-DN”.

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh điều chỉnh

| | | Quý ... Năm 200 ... | Đơn vị tính:... | |
|-----------|--|---------------------|---------------------|-------------------|
| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thực hiện năm 20... | Dự kiến năm 20... |
| 01 | Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh | 30 | | |
| | <i>Điều chỉnh tăng</i> | | | |
| 02 | Các khoản chi phí không được khấu trừ cho mục tiêu tính thuế | 30.1 | | |
| 03 | Các khoản thu nhập không thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính nhưng là thu nhập chịu thuế | 30.2 | | |
| | <i>Điều chỉnh giảm</i> | | | |
| 04 | Các khoản chi phí không thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính như là chi phí hợp lý khấu trừ thuế | 30.3 | | |
| 05 | Các khoản thu nhập thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu báo cáo tài chính nhưng không là thu nhập chịu thuế | 30.4 | | |
| 06 | Lợi nhuận chịu thuế (lỗ) từ hoạt động kinh doanh | 30.0 | | |
| 07 | Lợi nhuận (lỗ) khác | 40 | | |
| | <i>Điều chỉnh tăng</i> | | | |
| 08 | Các khoản chi phí không được khấu trừ cho mục tiêu tính thuế | 40.1 | | |
| 09 | Các khoản thu nhập không thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính nhưng là thu nhập chịu thuế | 40.2 | | |
| | <i>Điều chỉnh giảm</i> | | | |
| 10 | Các khoản chi phí không thực hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính như là chi phí hợp lý khấu trừ thuế | 40.3 | | |
| 11 | Các khoản thu nhập thể hiện trên báo cáo tài chính nhưng không là thu nhập | 40.4 | | |

| | | | | |
|-----------|---|-------------|--|--|
| | chịu thuế | | | |
| 12 | Lợi nhuận (lỗ) chịu thuế | 40.0 | | |
| 13 | Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế | 50 | | |
| | <i>Điều chỉnh tăng</i> | | | |
| 14 | Các khoản chi phí không được khấu trừ cho mục tiêu tính thuế | 50.1 | | |
| 15 | Các khoản thu nhập không thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính nhưng là thu nhập chịu thuế | 50.2 | | |
| | <i>Điều chỉnh giảm</i> | | | |
| 16 | Các khoản chi phí không thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính như là chi phí hợp lý khấu trừ thuế | 50.3 | | |
| 17 | Các khoản thu nhập thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính nhưng không là thu nhập chịu thuế | 50.4 | | |
| 18 | Tổng lợi nhuận chịu thuế (lỗ) | 50 | | |
| 19 | Lỗ năm trước chuyển sang | 60 | | |
| 20 | Tổng thu nhập chịu thuế sau khi chuyển lỗ | 70 | | |
| 21 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 80 | | |
| 22 | Thuế được miễn giảm (nếu có) | 80.1 | | |
| 23 | Tổng số thuế tạm nộp trong năm | 80.2 | | |
| 24 | Số thuế còn lại phải nộp | 80.3 | | |
| 25 | Lợi nhuận (lỗ) sau thuế | 90 | | |

Để bảo đảm cho hệ thống báo cáo tài chính là công cụ đắc lực phục vụ cho công tác quản lý hành thu thuế; trong giai đoạn hiện nay hệ thống báo cáo tài chính cần thiết hoàn thiện theo hướng tạo ra sự phù hợp về việc lập báo cáo tài chính theo mục tiêu của thuế, trên cơ sở đó lập báo cáo thuế thuận lợi, dễ dàng hơn.

3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC LUẬT THUẾ ÁP DỤNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP

3.3.1. Hoàn thiện nội dung luật thuế để có được sự phù hợp nhất định với luật kế toán và chuẩn mực kế toán

Luật thuế đảm bảo tôn trọng các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán, chứa đựng trong nó những yếu tố sau:

- Qui định đầy đủ, dễ hiểu, dễ làm, ổn định, ít thay đổi.
- Từng bước phải làm cho việc xác định, quản lý thuế chỉ căn cứ vào kế toán và thông tin kế toán (từ hoạch định chính sách đến hành thu) xóa bỏ phương pháp tính khoán thuế.
- Công khai minh bạch tính thuế và thu thuế, chuyển dần sang phương thức người tự nộp thuế tự kê khai thuế; công tác trọng tâm của cơ quan thuế là thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn - tuyên truyền.
- Tăng cường mối liên kết hữu cơ về pháp lý giữa mục tiêu tài chính và mục tiêu tính thuế.
- Có cơ chế phạt nặng đối với những đối tượng có hành vi gian lận chậm trễ trong kê khai và nộp thuế.

3.3.2. Hoàn thiện nội dung chính sách thuế

A. Chương trình cải cách hệ thống thuế Việt Nam trong thời gian tới: Phải phù hợp với các nước trong khu vực và trên thế giới, kiện toàn các loại thuế trực thu và gián thu đã có, hiện đang áp dụng, mà từng sắc thuế hoàn thiện theo hướng:

- Đa dạng hóa nguồn thu
- Nâng cao năng lực quản lý
- Cải thiện sự tuân thủ và dịch vụ cho người nộp thuế
- Công bằng hơn: theo chiều ngang và chiều dọc
- Cơ sở thuế rộng hơn
- Thuế suất thấp hơn
- Đơn giản hóa

B. Hoàn thiện luật thuế giá trị gia tăng

C. Hoàn thiện luật thuế thu nhập doanh nghiệp

3.3.3. Hoàn thiện quy trình kiểm soát thuế và hành thu của cơ quan thuế

① Hoàn thiện xác minh hóa đơn Bộ Tài Chính

A. Quan điểm hoàn thiện xác minh hoá đơn Bộ Tài Chính.

B. Hoàn thiện xác minh hóa đơn Bộ Tài Chính.

Song song với việc kiểm tra quyết toán thuế, cán bộ thuế sau khi đối chiếu số liệu khớp đúng, kiểm soát viên thuế lập phiếu yêu cầu xác minh hóa đơn và gửi xác minh hóa đơn đến các Tỉnh (Thành) và các Quận (Huyện) có liên quan đến quá trình mua bán hàng hóa, dịch vụ với đối tượng được quyết toán thuế hoặc hoàn thuế.

Muốn thực hiện việc thanh tra, kiểm tra quyết toán hoặc hoàn thuế đúng theo thời gian quy định, cần có biện pháp hoàn thiện quy trình kiểm soát xác minh hóa đơn gồm có 03 sơ đồ:

- a. Sơ đồ quy trình xác minh hóa đơn.
- b. Sơ đồ hệ thống kiểm soát xác minh hoá đơn ngành thuế.
- c. Sơ đồ kiểm soát và đối chiếu xác minh hóa đơn ngành thuế.
- d. Tác dụng xác minh qua mạng nội bộ trong việc thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với công tác quyết toán và hoàn thuế.

Việc xác minh hóa đơn qua mạng vi tính cục bộ hay mạng vi tính nội bộ cấp Tổng Cục Thuế sẽ đem lại nhiều tác dụng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, quản lý thuế của ngành thuế:

➤ Xử lý vi phạm hành chính và vi phạm về thuế trong ngành thuế nhanh chóng kịp thời và chính xác.

➤ Thời gian hoàn trả xác minh nhanh tạo điều kiện cho việc kiểm tra quyết toán và hoàn thuế kịp thời.

➤ Hạn chế các kẽ hở trong quá trình thực hiện luật thuế, hạn chế gian lận về thuế, hạn chế thất thoát tiền thuế của nhà nước.

➤ Tạo điều kiện cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế đối với công tác quyết toán và hoàn thuế phát huy được vai trò và tác dụng.

② Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế

A. Quan điểm công tác thanh tra, kiểm tra thuế

B. Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Trong công tác thanh tra, kiểm tra cần thiết phải phân loại đối tượng để thanh tra nhằm tránh gây phiền hà, gây thiệt hại cho người nộp thuế, đồng thời thông qua công tác thanh tra, kiểm tra ngăn chặn được các hiện tượng tiêu cực về thuế, làm thất thoát tiền thuế của nhà nước. Cần mở rộng diện thanh tra, kiểm tra dài hạn đối với doanh nghiệp không có vi phạm về luật thuế. Tuy nhiên, khi xảy ra vi phạm việc tiến hành xử phạt đối với trường hợp này phải khác với trường hợp thanh tra, kiểm tra thường xuyên. Đối với doanh nghiệp qua 5 năm tiến hành thanh kiểm tra một lần, công ty có hiện tượng gian lận về thuế, cán bộ thuế áp dụng nghiệp vụ về thanh tra để xác định số thuế phải truy thu của năm thứ 05 và áp dụng các biện pháp phạt về thuế như:

- Truy thu tiền thuế của năm thứ 05 và các năm trước. Số thuế truy thu của năm thứ 05 áp dụng tính truy thu ngược lại cho 04 năm trước.

- Phạt nộp chậm tiền thuế (quy định luật thuế hiện nay là 0,1%/ngày).

- Xử phạt vi phạm hành chính về thuế.
 - Xử phạt hành vi gian lận về thuế, theo chúng tôi có thể phân loại các doanh nghiệp để tiến hành thanh tra, kiểm tra quyết toán thuế ngắn hạn và dài hạn, gồm có 03 loại:

☒ Doanh nghiệp loại A: là những doanh nghiệp chấp hành nghiêm chỉnh chính sách thuế. Đối với doanh nghiệp này thì tối thiểu trong 5 năm tiến hành thanh tra, kiểm tra 1 lần.

☒ Doanh nghiệp loại B: là những doanh nghiệp đã có vi phạm nhưng không thường xuyên và mức độ không nghiêm trọng đồng thời kết hợp với các tiêu thức để phân loại. Trong trường hợp này tối thiểu trong 2 năm phải kiểm tra, kiểm tra 1 lần.

☒ Doanh nghiệp loại C: là những doanh nghiệp thường xuyên vi phạm chính sách thuế hoặc sử dụng nhiều chứng từ hóa đơn. Đối với loại doanh nghiệp này cần thiết phải kiểm tra thường xuyên mỗi năm 1 lần. Loại doanh nghiệp này áp dụng biện pháp kiểm tra quyết toán thuế hàng năm, trong trường hợp có dấu hiệu gian lận về thuế nghiêm trọng phải kết với công tác thanh tra thuế, để tiến hành thanh tra toàn diện các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Dựa trên danh sách phân loại đối tượng nộp thuế (loại A, loại B, loại C), sau đó tiến hành xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra và công khai rộng rãi đến từng đối tượng nộp thuế trên địa bàn, trên các phương tiện thông tin.

Để luật thuế đi vào cuộc sống người dân, bảo đảm nguồn thu ngân sách nhà nước; cơ quan thuế cần thiết phải tăng cường công tác thanh tra kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp không tuân thủ luật thuế (có hành vi sai phạm về thuế), đồng thời giảm bớt các cuộc thanh tra kiểm tra đối với doanh nghiệp chấp hành tốt luật thuế nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp làm ăn chân chính phát triển được thuận lợi. Trên cơ sở đó luật thuế cần thiết đưa ra các biện pháp chế tài sao cho phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp thuộc 03 diện thanh tra, kiểm tra nêu trên.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Hoàn thiện hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp phải được giải quyết đồng bộ trên các mặt: chế độ chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, chế độ sổ sách kế toán và hệ thống báo cáo tài chính kết hợp với việc ban hành luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam. Giải quyết một cách đồng bộ như vậy vừa tạo ra được một hành lang pháp lý trong tổ chức thực hiện công tác kế toán, vừa xác lập các nguyên tắc và phương pháp xử lý và cung cấp thông tin hữu ích qua đó biến kế toán thực sự là công cụ phục vụ lợi ích cho nhiều đối tượng, tạo nên sự ràng

buộc về trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ sở kinh doanh khi cung cấp thông tin về hoạt động kinh tế – tài chính cho các cơ quan chức năng của Nhà nước, trong đó có cơ quan thuế.

Bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp nhằm phục vụ quy trình quản lý thuế, cần thiết đòi hỏi hoàn thiện các luật thuế để đảm bảo các yêu cầu: rõ ràng, minh bạch, công bằng, ổn định và ít thay đổi có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, với việc thu hút đầu tư nước ngoài và đặc biệt là tạo ra được sự ổn định trong hoạt động kế toán

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn hiện nay đất nước ta trên đà phát triển và hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới, quy trình quản lý thuế vừa phải phù hợp với tình hình phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh mọi lĩnh vực mọi thành phần kinh tế nhằm khai thác, mở rộng nguồn thu, tăng số thu cho ngân sách; vừa phù hợp chính sách thuế trong khu vực và trên thế giới. Do đó, đòi hỏi cần thiết phải hoàn thiện hệ thống kế toán doanh nghiệp để thực hiện cung cấp thông tin quan trọng về thực trạng thuế của doanh nghiệp đối với cơ quan thuế.

Thông qua việc hoàn thiện hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp nhằm phục vụ đắc lực và có hiệu quả cho công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý hành thu thuế hiện nay, đồng thời cũng phải kiện toàn, hoàn thiện hệ thống, chính sách thuế Việt Nam trên các mặt:

- Bảo đảm được tính công bằng, minh bạch, có tính thuyết phục đối với người nộp thuế là một trong những biện pháp quan trọng để nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu.

- Thu hút được vốn đầu tư nước ngoài, tăng cường khả năng cạnh tranh và hội nhập, đặc biệt là Việt Nam gia nhập WTO.

Việc thực hiện các giải pháp này vừa là trách nhiệm của các cơ quan chức năng của nhà nước, vừa là trách nhiệm của doanh nghiệp, chỉ trên cơ sở phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ban ngành có liên quan và sự tuân thủ của các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, mới bảo đảm được tính hiệu quả của hệ thống kế toán tài chính trong việc phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý hành thu thuế./.

| | | | | |
|-----------|--|-------------|--|--|
| 12 | Lợi nhuận (lỗ) chịu thuế | 40.0 | | |
| 13 | Tổng lợi nhuận (lỗ) trước thuế | 50 | | |
| | <i>Điều chỉnh tăng</i> | | | |
| 14 | Các khoản chi phí không được khấu trừ cho mục tiêu tính thuế | 50.1 | | |
| 15 | Các khoản thu nhập không thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính nhưng là thu nhập chịu thuế | 50.2 | | |
| | <i>Điều chỉnh giảm</i> | | | |
| 16 | Các khoản chi phí không thể hiện trên | 50.3 | | |

| | | | | |
|-----------|--|-------------|--|--|
| | báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính như là chi phí hợp lý khấu trừ thuế | | | |
| 17 | Các khoản thu nhập thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính nhưng không là thu nhập chịu thuế | 50.4 | | |
| 18 | Tổng lợi nhuận chịu thuế (lỗ) | 50 | | |
| 19 | Lỗ năm trước chuyển sang | 60 | | |
| 20 | Tổng thu nhập chịu thuế sau khi chuyển lỗ | 70 | | |
| 21 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 80 | | |
| 22 | Thuế được miễn giảm (nếu có) | 80.1 | | |
| 23 | Tổng số thuế tạm nộp trong năm | 80.2 | | |
| 24 | Số thuế còn lại phải nộp | 80.3 | | |
| 25 | Lợi nhuận (lỗ) sau thuế | 90 | | |

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thực hiện năm 20... | Dự kiến năm 20... |
|-----------|--|-----------|---------------------|-------------------|
| 01 | Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh | 30 | | |
| | <i>Điều chỉnh tăng</i> | | | |
| 02 | Các khoản chi phí không được khấu trừ cho mục tiêu tính thuế | 30.1 | | |
| 03 | Các khoản thu nhập không thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính nhưng là thu nhập chịu thuế | 30.2 | | |
| | <i>Điều chỉnh giảm</i> | | | |
| 04 | Các khoản chi phí không thể hiện trên | 30.3 | | |

| | | | | |
|-----------|--|-------------|--|--|
| | báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính như là chi phí hợp lý khấu trừ thuế | | | |
| 05 | Các khoản thu nhập thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu báo cáo tài chính nhưng không là thu nhập chịu thuế | 30.4 | | |
| 06 | Lợi nhuận chịu thuế (lỗ) từ hoạt động kinh doanh | 30.0 | | |
| 07 | Lợi nhuận (lỗ) khác | 40 | | |
| | <i>Điều chỉnh tăng</i> | | | |
| 08 | Các khoản chi phí không được khấu trừ cho mục tiêu tính thuế | 40.1 | | |
| 09 | Các khoản thu nhập không thể hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính nhưng là thu nhập chịu thuế | 40.2 | | |
| | <i>Điều chỉnh giảm</i> | | | |
| 10 | Các khoản chi phí không thực hiện trên báo cáo tài chính theo mục tiêu tài chính như là chi phí hợp lý khấu trừ thuế | 40.3 | | |
| 11 | Các khoản thu nhập thể hiện trên báo cáo tài chính nhưng không là thu nhập chịu thuế | 40.4 | | |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước | Quyết toán thuế |
|--|-------|-------------|---------|-----------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 24 | | | |
| 2. Các khoản giảm trừ | 03 | 24 | | | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03) | 10 | 24 | | | |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | | | |

| | | | | | |
|--|----|----|--|--|--|
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | | | |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | | | |
| 5. Chi phí tài chính | 22 | 26 | | | |
| - Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | | | |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | | | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | | | |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hd.k d. 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) | 30 | | | | |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | | | |
| 12. Chi phí khác | 32 | | | | |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | | | |
| 14. Tổng LNKT trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | | | |
| 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp | 51 | 28 | | | |
| 16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) | 60 | 28 | | | |

: trong giai đoạn này vai trò và tác dụng của kế toán được nhấn mạnh và đề cao trong sách vở, trong nhận thức hơn là trong thực tiễn quản lý của nhà nước và của doanh nghiệp. Chính trong cơ chế quản lý tập trung, quan liêu bao cấp đã làm cho kế toán trở thành một công cụ hỗ trợ cho việc tạo lập thông tin thiếu tính trung thực vì mục đích chạy theo chỉ tiêu kế hoạch, chạy theo thành tích của nhà quản lý. Kế toán đã bị biến thành công cụ của nhà quản lý chứ không còn là công cụ quản lý đúng theo bản chất của nó.

: công tác kế toán tài chính ở các doanh nghiệp đã bắt đầu đi vào nề nếp, đã được doanh nghiệp tuân thủ thực hiện nhưng đứng trước yêu cầu phát triển nhanh chóng của nền kinh tế và những thay đổi để phù hợp với yêu cầu hội nhập thì hệ thống kế toán cũng đang đặt ra yêu cầu cải tiến, hoàn thiện để có thể trở thành một công cụ hỗ trợ đắc lực và có hiệu quả cho nhà nước trong quản lý, điều hành nền kinh tế nói chung và phục vụ tốt cho quy trình quản lý thuế đối với các doanh nghiệp của cơ quan thuế nói riêng.

Sau khi giải phóng Miền nam, thống nhất đất nước, cả nước tiến hành xây dựng nền kinh tế Xã hội chủ nghĩa, lấy kinh tế quốc doanh làm chủ đạo, việc thu nộp ngân sách theo kế hoạch nhà nước đề ra, chế độ thu quốc doanh và trích nộp lợi nhuận ở các đơn vị quốc doanh không đem lại hiệu quả.

Sau đó, nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế được khẳng định, nhiều loại hình doanh nghiệp ra đời. Để đáp ứng với thời kỳ này, có 02 sắc thuế được chuyển đổi cơ bản đó là: luật thuế doanh thu và luật thuế lợi tức. Tuy nhiên, 2 sắc thuế này vẫn còn nhiều thuế suất và nhiều nhược điểm khác như thuế đánh chồng lên thuế (thuế kép) ..., không phù hợp cho công tác quản lý và hành thu thuế.

Để phù hợp với nền kinh tế thị trường đang phát triển và hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới, hệ thống thuế hoàn thiện nhất từ trước đến nay được áp dụng gồm 09 sắc thuế (06 bộ luật và 03 pháp lệnh), trong đó có 02 luật thuế tiên tiến nhất được thay thế cho luật thuế doanh thu và luật thuế lợi tức đó là luật thuế giá trị gia tăng và luật thuế thu nhập doanh nghiệp, làm cho hệ thống thuế Việt Nam phát huy thêm hiệu lực, tăng cường công tác quản lý thuế đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

. Đây là vấn đề cần xem xét, nghiên cứu để có những sửa đổi cho phù hợp và đặc biệt là phải có những hướng dẫn cụ thể cũng như những ràng buộc của cơ quan chức năng để doanh nghiệp thực hiện đầy đủ chứng từ ban đầu nhằm thực hiện tốt cho việc ghi chép và kiểm soát.

Đây cũng là vấn đề cần được nghiên cứu để có những hướng dẫn cụ thể nhằm hạn chế hiện tượng mà doanh nghiệp tự hạch toán theo một kiểu khác nhau gây khó khăn cho việc kiểm soát thuế và việc chỉnh sửa của doanh nghiệp khi có yêu cầu của cơ quan chức năng.

Vấn đề này cũng phải được xem xét nghiên cứu để xây dựng một hình thức kế toán thích ứng với hoạt động của mọi loại hình doanh nghiệp.

: Các giải pháp đề xuất để hoàn thiện phải dựa vào tình hình thực tế của nền kinh tế Việt Nam, các luật thuế và hệ thống kế toán đang được quy định cho các doanh nghiệp và hoạt động thực tế của các doanh nghiệp ở Việt Nam.

: Hoàn thiện hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp trong mối quan hệ với quy trình quản lý thuế theo quy định của các luật thuế phải đặt trong điều kiện là việc thực hiện các quy định về kế toán và các quy định về thuế có sự thống nhất về căn bản và nếu có sự khác biệt thì đó chỉ là biểu hiện của việc giải quyết những quyền lợi khác nhau và đặt trong quá trình cải biến để có sự xích lại gần nhau và hài hòa giữa các quyền lợi này.

: Quan điểm hội nhập và phát triển định hướng cho các giải pháp hoàn thiện kế toán tài chính để tạo ra tiếng nói chung trong phạm vi khu vực và trên toàn cầu,

đồng thời cũng định hướng cho những giải pháp hoàn thiện các luật thuế phù hợp với các lộ trình tham gia các tổ chức AFTA, WTO

Nguyên tắc đồng bộ đặt ra yêu cầu là việc hoàn thiện phải được tiến hành đồng thời giữa luật thuế với luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán có liên quan, phải tiến hành đồng thời giữa các bộ phận cấu thành hệ thống kế toán doanh nghiệp và phải có sự đồng bộ khi thực hiện các quy định về thuế và kế toán của cơ quan thuế và của các doanh nghiệp chịu sự quản lý và kiểm soát của cơ quan thuế.

: Nguyên tắc nhất quán yêu cầu việc hoàn thiện phải mang tính xuyên suốt từ các giải pháp vĩ mô đến các giải pháp vi mô, từ các vấn đề lý luận đến các vấn đề thực tiễn liên quan đến luật thuế và hệ thống kế toán tài chính doanh nghiệp.

Nguyên tắc linh hoạt đặt ra yêu cầu là các giải pháp hoàn thiện không quá cứng nhắc mà phải có độ mềm dẻo, linh hoạt gắn liền với môi trường pháp lý, môi trường kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn nhất định.

Hoàn thiện luật thuế giá trị gia tăng theo hướng:

- a. Bổ sung đối tượng chịu thuế
- b. Thuế suất: Áp dụng thống nhất một mức thuế suất: 10%
- c. Phương pháp tính thuế và sử dụng hóa đơn:

Áp dụng thống nhất một cách tính thuế là phương pháp khấu trừ thuế, áp dụng chế độ phát hành hóa đơn theo mẫu thống nhất và hóa đơn đặc thù. Đối tượng các hộ kinh doanh nhỏ đưa ra khỏi đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng chuyển sang áp dụng thu thuế thu nhập cá nhân.

Trong thời gian tới luật thuế TNDN cần hoàn thiện theo hướng:

- a. Chuyển các hộ sản xuất, kinh doanh cá thể, những hộ có ngành nghề độc lập, những cá nhân có tài sản cho thuê sang áp dụng thuế thu nhập cá nhân.
- b. Nên giảm mức thuế suất thuế TNDN phổ thông từ 28% xuống còn 25% và sau năm 2010 có thể áp dụng mức thuế suất 20%.
- c. Giảm diện miễn, giảm thuế; thống nhất mức thuế suất; ưu đãi thuế giữa các thành phần kinh tế để khuyến khích đầu tư và bảo đảm bình đẳng trong cạnh tranh.
- d. Phân loại các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, không có hành vi gian lận về thuế để thực hiện các cuộc thanh tra kiểm tra định kỳ 5 năm/ lần.